

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa
2. Ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2020/QĐST-DS ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thu Băng N, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Phan H, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp An Bình, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại Tòa án, nguyên đơn bà Hà Thu Băng N trình bày:

- Bà Hà Thu Băng N và ông Lê Phan H đi đến hôn nhân vào năm 2015, hôn nhân tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thạnh Trung. Sau đó, vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không sống chung từ năm 2019 cho đến

nay. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phan H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hà Phước T, sinh ngày 26/7/2018 hiện đang sống với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Phan H đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa bà Hà Thu Băng N vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Hà Thu Băng N và ông Lê Phan H đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thạnh Trung. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật xem xét và bảo vệ, xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà N và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không còn sống chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà N được ly hôn ông H.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Hà Phước T, sinh ngày 26/7/2018 hiện đang sống với bà Nguyệt, khi ly hôn bà Nguyệt yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung của bà N và ông H dưới 36 tháng tuổi nên giao cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, bà Hà Thu Băng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hà Thu Băng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Phan H, về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình-Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Phan H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp An Bình, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Lê Phan vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Phan H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Hà Thu Băng N và ông Lê Phan H là do tự nguyện, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thạnh Trung theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà N cho rằng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình, thường hay cãi vã, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà N có yêu cầu được ly hôn ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Hà Phước T, sinh ngày 26/7/2018 hiện đang sống với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng còn chung sống cho đến nay, con chung đều do chị N chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay con chung của bà N và ông H dưới 36 tháng tuổi nên giao cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Hà Thu Băng N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thu Băng N, bà Hà Thu Băng N được ly hôn với ông Lê Phan H.

2. Về con chung: Lê Hà Phước T, sinh ngày 26/7/2018, chị Hà Thu Băng N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hà Thu Băng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0008186 ngày 09/03/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

Trần Ngọc Diệu